

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN KRÔNG NĂNG  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2022/HNGĐ-ST

Ngày 17-5-2022

V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NĂNG, TỈNH ĐẮK LẮK**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Xuân Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Đăng Huân;

2. Ông Y Míp Niê;

**- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thùy Dung -  
Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk  
tham gia phiên tòa:** Bà Lê Trịnh Xuân Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 298/2022/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2022/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2022, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị L; trú tại: Thôn C, xã T, huyện N, tỉnh Đắk Lắk (có mặt);

- Bị đơn: Ông Nguyễn Hữu H; trú tại: Thôn C, xã T, huyện N, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt);

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn chị Trần Thị L trình bày: Chị L và anh H là vợ chồng và có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào ngày 05/01/2006 tại UBND xã D, huyện B, tỉnh Đắk Lắk. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc. Tuy nhiên, khoảng từ năm 2019 trở lại đây vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không hòa thuận, mục đích hôn nhân không đạt được, nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát việc vợ chồng có suy nghĩ đối lập nhau trong công việc làm ăn, trong cuộc sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, không tìm được tiếng nói chung. Nay, xét thấy tình cảm không còn nên chị L đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Nguyễn Hữu H.

Về con chung: Có 02 con chung, cụ thể: Cháu Nguyễn Ngọc Khánh L, sinh ngày 27/01/2007 và cháu Nguyễn Đình Hoàng N, sinh ngày 28/11/2008, các con

chung phát triển bình thường, nguyên vọng chị L được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung cho đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành (18 tuổi). Về cấp dưỡng nuôi con chung tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Quá trình tham gia tố tụng, bị đơn anh Nguyễn Hữu H trình bày:* Về quan hệ hôn nhân đúng như chị Trần Thị L trình bày. Anh H với chị L là vợ chồng, có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại UBND xã D, huyện B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 05/01/2006. Quá trình chung sống thì vợ chồng có xích mích, lời qua tiếng lại, nhưng chưa đến mức trầm trọng nên anh Nguyễn Hữu H không đồng ý ly hôn với chị Trần Thị L.

Vợ chồng có 02 con chung, cụ thể: Cháu Nguyễn Ngọc Khánh L, sinh ngày 27/01/2007 và cháu Nguyễn Đình Hoàng N, sinh ngày 28/11/2008, các con chung phát triển bình thường. Nếu có ly hôn thì nguyên vọng anh H đồng ý giao cả 02 con chung cho chị L được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành (18 tuổi). Về cấp dưỡng nuôi con chung tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận không đề nghị Tòa án giải quyết.

- *Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án đã triệu tập đương sự đến tham gia phiên hòa giải nhưng anh Nguyễn Hữu H không có mặt nên vụ án không tiến hành hòa giải được.*

- *Kết quả xác minh tại Chi hội phụ nữ thôn C, xã T, huyện N, tỉnh Đắk Lắk:* Quá trình sinh sống tại địa phương giữa chị Trần Thị L với anh Nguyễn Hữu H có mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, lời qua tiếng lại. Tuy nhiên, nguyên nhân mâu thuẫn do đâu thì Chi hội phụ nữ thôn C, xã T không nắm được. Đề nghị, Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

**\* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:**

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý cho đến ngày xét xử vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự, đưa vụ án ra xét xử đúng hạn luật định, thủ tục mở phiên tòa đảm bảo. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Qua phân tích, đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai và ý kiến của các bên đương sự, đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa có ý kiến như sau: Chị Trần Thị L với anh Nguyễn Hữu H là vợ chồng và có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào ngày 05/01/2006 tại UBND xã D, huyện B, tỉnh Đắk Lắk. Quá trình chung sống nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau. Do đó, có thể thấy tình trạng hôn nhân của chị Trần Thị L với anh Nguyễn Hữu H là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị L, cho chị Trần Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Hữu H.

Về con chung: Giao cả hai cháu Nguyễn Ngọc Khánh L, sinh ngày 27/01/2007 và cháu Nguyễn Đình Hoàng N, sinh ngày 28/11/2008 cho chị Trần Thị L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành. Anh Nguyễn Hữu H có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở quyền này.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các bên đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu nên không đặt ra để xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra để xem xét giải quyết.

Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu ly hôn nên nguyên đơn chị Trần Thị L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án; ý kiến của Kiểm sát viên, đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ kiện “*Ly hôn*” và bị đơn có nơi cư trú tại xã T, huyện N, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

Tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Hữu H mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị L với anh Nguyễn Hữu H có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào ngày 05/01/2006 tại UBND xã D, huyện B, tỉnh Đắk Lắk theo Giấy chứng nhận kết hôn số 02, quyển sổ số 01/2006. Căn cứ vào Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình thì hôn nhân của chị Trần Thị L với anh Nguyễn Hữu H là hợp pháp. Vì vậy, chị Trần Thị L yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn là đúng quy định của pháp luật.

Xét tình trạng hôn nhân của chị Trần Thị L với anh Nguyễn Hữu H: Thời gian đầu chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Tuy nhiên, từ năm 2019 trở lại đây, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không hòa thuận, mục đích hôn nhân không đạt được, nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát việc vợ chồng có suy nghĩ đối lập nhau trong công việc làm ăn, trong cuộc sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, không tìm được tiếng nói chung. Tại biên bản xác minh ngày 14/3/2022 tại Chi hội phụ nữ thôn C, xã T, huyện N xác định tình trạng hôn nhân giữa chị Trần Thị L với anh Nguyễn Hữu H có mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, to tiếng trong gia đình. Quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Hữu H cũng thừa nhận vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, lời qua tiếng lại. Xét thấy, hôn nhân được xây dựng trên sự tự nguyện yêu thương, chăm sóc, tôn trọng, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ công việc với nhau

nhưng chị Trần Thị L với anh Nguyễn Hữu H thường xuyên mâu thuẫn, to tiếng trong gia đình. Hơn nữa, Tòa án đã tiến hành hòa giải để hai bên có cơ hội quay lại đoàn tụ với nhau nhưng không thành. Từ những căn cứ trên có thể khẳng định tình trạng hôn nhân của chị Trần Thị L với anh Nguyễn Hữu H là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị L.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống, chị Trần Thị L với anh Nguyễn Hữu H có hai con chung: Cháu Nguyễn Ngọc Khánh L, sinh ngày 27/01/2007 và cháu Nguyễn Đình Hoàng N, sinh ngày 28/11/2008, các con chung đều phát triển bình thường. Quá trình giải quyết vụ án, chị Trần Thị L với anh Nguyễn Hữu H có nguyện vọng nếu ly hôn chị Trần Thị L là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung cho đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành, về cấp dưỡng nuôi con chung tự thỏa thuận không đề nghị Tòa án giải quyết. Điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Nguyễn Ngọc Khánh L, Nguyễn Đình Hoàng N. Do đó, cần giao cháu Nguyễn Ngọc Khánh L, sinh ngày 27/01/2007 và cháu Nguyễn Đình Hoàng N, sinh ngày 28/11/2008 cho chị Trần Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung cho đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành (18 tuổi). Về cấp dưỡng nuôi con chung tự thỏa thuận nên không đặt ra để xem xét giải quyết.

Anh Nguyễn Hữu H có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở quyền này.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các bên đương sự không yêu cầu nên không đặt ra để xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chị Trần Thị L phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003181 ngày 20/12/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N. Chị Trần Thị L không phải nộp thêm.

***Vì các lý do trên;***

### **QUYẾT ĐỊNH**

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

**Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị L về việc “Ly hôn”. Cho chị Trần Thị L được ly hôn anh Nguyễn Hữu H.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Khánh L, sinh ngày 27/01/2007 và cháu Nguyễn Đình Hoàng N, sinh ngày 28/11/2008 cho chị Trần Thị L (mẹ) trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành (18

tuổi). Về cấp dưỡng nuôi con chung tự thỏa thuận nên không đặt ra để xem xét giải quyết.

Anh Nguyễn Hữu H có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở quyền này.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các bên đương sự không yêu cầu nên không đặt ra để xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Nguyên đơn chị Trần Thị L phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003181 ngày 20/12/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N. Chị Trần Thị L không phải nộp thêm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết tại UBND xã, phường và nơi họ cư trú.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Năng (02);
- Chi cục THADS huyện N;
- Các đương sự;
- UBND xã D;
- ..... ;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*Đã ký*

**Trương Xuân Hải**